

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
Tỉnh Bến Tre**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST

Ngày: 05/3/2019

*V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vinh

2. Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2018/TLST-DS ngày 13/4/2018 về tranh chấp “*Thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2019/QĐXXST-DS ngày 18/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 172/3, ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 15/2, ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 15/2, ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng)

- Phạm Hằng N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 15/2, ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:

Lúc sinh thời cha mẹ của anh là ông Nguyễn Minh T1 và bà Trương Thị D1 có tất cả 03 người con gồm Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Kiều D và Nguyễn Văn L. Cha, mẹ

anh tạo lập được 2.474,9m² đất tọa lạc tại ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà tường trên phần đất nói trên. Phần đất này bà D1 đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/10/2007 thuộc thửa 30, tờ bản đồ 19 và đến ngày 07/4/2008 bà D1 chuyển nhượng một phần đất với diện tích 173m². Ngày 28/10/2008 ông T1 chết, đến ngày 14/12/2011 bà D1 chết, cha và mẹ chết đều không để lại di chúc phân chia diện tích đất và nhà nói trên cho ai. Anh Nguyễn Văn L sống chung và cùng hộ khẩu với bà D1 nên tiếp tục quản lý đất, nhà để thờ cúng cha mẹ. Trước khi mẹ anh chết thì anh cũng có trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này nhưng sau khi mẹ mất khoảng 02 năm thì anh L không đồng ý cho anh được ở trên đất này nữa.

Anh thừa nhận trước đây khi mẹ anh còn sống thì mẹ và bà ngoại (Phan Thị T2) có cho anh khoảng 3000m² đất ruộng. Còn 09m ngang đất mặt tiền cấp QL57 là do bà ngoại cho anh và hiện nay anh cũng đã chuyển nhượng cho người khác hết toàn bộ phần đất này.

Tại phiên tòa anh yêu cầu anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kiều D, chị Phạm Hằng N phải có nghĩa vụ liên đới phân chia cho anh có diện tích qua đo đạc thực tế là 702,2m² thuộc một phần thửa đất số 30 tờ bản đồ 19 (ký hiệu 30e diện tích 147,9m² và 30d diện tích 554,3m²) và toàn bộ cây trồng có trên đất tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh không đồng ý nhận phần đất chiều ngang 5m có diện tích 147,9m² (ký hiệu 30e) do anh L tự nguyện chia.

Riêng đối với diện tích 368,3m² (ký hiệu 30a diện tích 230,7m²; 30f diện tích 137,6m²) không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nếu yêu cầu của anh được Tòa án chấp nhận thì anh không đồng ý bồi hoàn công sức bồi đắp tôn tạo và giá trị cây trồng trên đất cho anh L vì đất này của mẹ để lại.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc ngày 13/11/2018 (BL59); Kết quả định giá ngày 24/7/2018 (BL 48-49) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Về chi phí đo đạc 1.642.000 đồng và định giá tài sản 450.000 đồng do anh đã tạm nộp và đồng ý nộp toàn bộ số tiền không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn đề nghị ngày 20/4/2018 (BL23), bản tự khai ngày 15/6/2018 (BL33), trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều D) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất, hàng thừa kế tuy Nên anh không đồng ý diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.106,6m² thuộc thửa đất số 30 tờ bản đồ 19 (ký hiệu 30b diện tích 702,2m²; 30c diện tích 702,2m²; 30e diện tích 147,9m² và 30d diện tích 554,3m²) là phần di sản thừa kế, bởi phần đất nói trên trước khi bà D1 chết đã có di chúc miệng trước mặt những người chứng kiến như ông Trương Minh G (anh ruột bà D1), Trương Thị N1 (em ruột bà D1), Trương Minh Phụng (cháu ruột bà D1), tuy sau đó không được ghi chép bằng văn bản nhưng đến nay những người chứng kiến vẫn xác nhận là bà D1 đã cho đất cho anh. Hiện nay anh và chị N (vợ anh) đang trực tiếp sử dụng đất và thờ cúng cha mẹ là ông T1, bà D1. Còn phần đất ruộng

5.000m² thì anh sử dụng 2000m², chị Nguyễn Thị Kiều D sử dụng 3000m² (phần đất ruộng thì anh và Kiều D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và nay anh T không tranh chấp).

Trước đây khi mẹ anh còn sống thì mẹ và bà ngoại (Phan Thị T2) có cho anh T khoảng 3000m² đất ruộng và 09m ngang đất mặt tiền cấp QL57, anh T đã chuyển nhượng cho người khác hết toàn bộ phần đất này.

Tại phiên tòa anh không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T có diện tích qua đo đạc thực tế là 702,2m² thuộc một phần thửa đất số 30 tờ bản đồ 19 (ký hiệu 30e diện tích 147,9m² và 30d diện tích 554,3m²). Chị Nguyễn Thị Kiều D có ý kiến là không tranh chấp với anh và đồng ý để lại toàn bộ phần đất thửa 30 cho anh được tiếp tục quản lý sử dụng. Nếu anh T đồng ý thì anh sẽ cho anh T được sử dụng phần đất chiều ngang 5m có diện tích 147,9m² (ký hiệu 30e).

Riêng đối với diện tích 368,3m² (ký hiệu 30a diện tích 230,7m²; 30f diện tích 137,6m²) không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nếu yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận thì anh không yêu cầu anh T phải bồi hoàn công sức bồi đắp tôn tạo và giá trị cây trồng trên đất cho anh, vì đất và toàn bộ tài sản trên đất là của bà D1 để lại.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc ngày 13/11/2018 (BL59); Kết quả định giá ngày 24/7/2018 (BL 48-49) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc ngày 13/11/2018 (BL59); Kết quả định giá ngày 24/7/2018 (BL 48-49) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Hằng N đồng ý với ý kiến của anh Nguyễn Văn L, không ý kiến gì thêm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 76 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kiều D và chị Phạm Hằng N phải có nghĩa vụ liên đới giao cho anh T được quyền sử dụng phần đất và toàn bộ cây trồng trên đất qua đo đạc thực tế có diện tích 702,2m² thuộc một phần thửa 30 tờ bản đồ số 19 (ký hiệu 30e diện tích 147,9 m² và 30d diện tích 554,3m²) tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn L, chị Phạm Hằng N được tiếp tục quản lý và kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích 1.404,4m² thuộc một phần thửa 30 (ký hiệu

các thửa 30b, 30c) tờ bản đồ số 19 và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về dân sự, đất tranh chấp có trên địa bàn huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Lúc sinh thời ông T1 và bà D1 có tất cả 03 người con gồm Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Kiều D và Nguyễn Văn L. Ông T1 và bà D1 tạo lập được 2.474,9m² đất tọa lạc tại ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà tường trên phần đất nói trên. Phần đất này bà D1 đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/10/2007 thuộc thửa 30, tờ bản đồ 19 và đến ngày 07/4/2008 bà D1 chuyển nhượng một phần đất với diện tích 173m². Ngày 28/10/2008 ông T1 chết, đến ngày 14/12/2011 bà D1 chết. Do không để lại di chúc phân chia di sản nên ngày 16/3/2018 anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

[3] Việc anh T yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế 702,2m² thuộc một phần thửa 30 tờ bản đồ số 19 (ký hiệu 30e diện tích 147,9m² và 30d diện tích 554,3m²), tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre là có cơ sở phù hợp tại các Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét việc anh Nguyễn Văn L cho rằng trước khi bà D1 chết có để lại di chúc miệng cho anh L toàn bộ phần đất đang tranh chấp này nhưng việc bà D1 để lại di chúc miệng này không phù hợp với quy định tại các Điều 629, 930 của Bộ luật dân sự 2015 nên di chúc này không hợp pháp do đó không được Tòa án chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều D, Phạm Hằng N phải có nghĩa vụ liên đới giao cho anh T được quyền sử dụng đất và toàn bộ cây trồng trên đất có diện tích theo đo đạc thực tế 702,2m² thuộc một phần thửa 30 tờ bản đồ số 19 (ký hiệu 30e diện tích 147,9m² và 30d diện tích 554,3m²), tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P.

Anh L, chị N được tiếp tục quản lý sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất (Nhà, cây trồng) có diện tích 1.404,4 m² thuộc một phần thửa 30 tờ bản đồ số 19 (ký hiệu 30b diện tích 702,2m²; 30c diện tích 702,2m²), tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất thuộc thửa 30a có diện tích 230,7m² và thửa 30f diện tích 137,6m².

Về công sức bồi đắp tôn tạo trên đất tranh chấp các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: 2.092.000 đồng anh T tự nguyện nộp và đã nộp xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T và anh L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 629, 630, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Ngọc T. Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kiều D, chị Phạm Hằng N có nghĩa vụ liên đới giao cho anh Nguyễn Ngọc T được hưởng phần đất có diện tích 702,2m² thuộc một phần thửa 30 (ký hiệu các thửa 30d, 30e) tờ bản đồ số 19 và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có họa đồ kèm theo)

2. Anh Nguyễn Văn L, chị Phạm Hằng N được tiếp tục quản lý và kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích 1.404,4m² thuộc một phần thửa 30 (ký hiệu các thửa 30b, 30c) tờ bản đồ số 19 và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có họa đồ kèm theo)

Các đương sự có trách Nệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo qui định pháp luật.

3. Riêng phần thửa 30a diện tích 230,7m² và phần thửa 30f diện tích 137,6m² cùng tờ bản đồ số 30 các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện nộp số tiền 2.092.000 (Hai triệu, không trăm chín mươi hai nghìn) đồng và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T và anh L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.236.000 (Một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016207 ngày 13/4/2018.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết